

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 37

11/5/21

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã VNS theo Quyết định số 81/2008/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và 3 (ba) chi nhánh đang hoạt động như sau:

- Chi nhánh Bình Dương tại Số 59 Thích Quảng Đức, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Đồng Nai tại Số F2/4, Quốc lộ 51, Khu Phố 1, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai; và
- Chi nhánh Đồng Tháp tại Số 35/20/8 Nguyễn Tất Thành, Khóm 2, Phường Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tạ Long Hỷ	Chủ tịch	
Ông Đặng Thành Duy	Thành viên	
Ông Trương Đình Quý	Thành viên	
Ông Trần Anh Minh	Thành viên	
Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên	
Ông Lê Hải Đoàn	Thành viên	bổ nhiệm vào ngày 24 tháng 4 năm 2025
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên	từ nhiệm vào ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên độc lập	
Ông Đặng Công Luận	Thành viên độc lập	
Ông Hồ Kim Trường	Thành viên độc lập	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Mai Thị Kim Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Thành Duy	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này này là ông Đặng Thành Duy.

Bà Đặng Thị Lan Phương, Phó Tổng Giám đốc Công ty, được Ông Đặng Thành Duy ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 1165864/68586019-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		379.586.710.812	395.770.686.485
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	209.602.156.698	98.235.505.846
111	1. Tiền		33.558.646.474	24.235.505.846
112	2. Các khoản tương đương tiền		176.043.510.224	74.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		59.911.808.253	171.972.557.034
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	59.911.808.253	171.972.557.034
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		89.882.428.257	96.681.229.817
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	77.885.839.082	83.343.586.013
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	1.861.407.158	1.107.851.232
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	13.880.107.945	14.379.112.576
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 8	(3.744.925.928)	(2.149.320.004)
140	IV. Hàng tồn kho		9.154.104.426	9.093.861.880
141	1. Hàng tồn kho	9	9.154.104.426	9.093.861.880
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.036.213.178	19.787.531.908
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	10.652.809.317	14.784.916.974
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	114.825.920	4.964.133.606
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	268.577.941	38.481.328
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.397.281.429.981	1.459.432.991.380
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.012.780.000	3.092.060.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	930.080.000	1.294.600.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	2.082.700.000	1.797.460.000
220	II. Tài sản cố định		1.286.575.198.589	1.411.442.731.169
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.105.685.220.718	1.214.102.115.364
222	Nguyên giá		1.652.808.421.159	1.746.013.596.522
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(547.123.200.441)	(531.911.481.158)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	180.693.386.482	197.069.357.746
225	Nguyên giá		262.015.545.356	262.015.545.356
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(81.322.158.874)	(64.946.187.610)
227	3. Tài sản cố định vô hình		196.591.389	271.258.059
228	Nguyên giá		2.414.221.000	2.414.221.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.217.629.611)	(2.142.962.941)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		61.911.218.210	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	61.911.218.210	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		10.000.000	10.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	10.000.000	10.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		45.772.233.182	44.888.200.211
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	45.772.233.182	44.888.200.211
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.776.868.140.793	1.855.203.677.865

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		671.353.045.685	705.620.216.581
310	I. Nợ ngắn hạn		312.116.101.831	260.481.051.645
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	31.018.615.798	13.127.429.001
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	7.962.192.014	280.613.652
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	27.521.458.577	2.262.077.490
314	4. Phải trả người lao động		1.982.399.336	8.835.606.495
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	7.487.346.791	7.554.227.258
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	1.922.403.624	1.727.310.588
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	33.516.402.341	31.545.215.671
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	200.685.662.844	195.049.345.332
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		19.620.506	99.226.158
330	II. Nợ dài hạn		359.236.943.854	445.139.164.936
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	78.372.207.419	83.251.784.363
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	277.699.190.935	358.671.810.073
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	3.13	3.165.545.500	3.215.570.500
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.105.515.095.108	1.149.583.461.284
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.105.515.095.108	1.149.583.461.284
411	1. Vốn cổ phần	21.1	678.591.920.000	678.591.920.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		678.591.920.000	678.591.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.1	86.929.263.110	86.929.263.110
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển	21.1	-	268.688.372.802
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	339.349.019.518	114.746.128.024
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		315.575.308.826	31.317.751.266
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		23.773.710.692	83.428.376.758
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22	644.892.480	627.777.348
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.776.868.140.793	1.855.203.677.865

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 6 năm 2025



Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị An Phương
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	451.131.167.988	531.837.206.854
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	451.131.167.988	531.837.206.854
11	3. Giá vốn về hàng bán và dịch vụ cung cấp	24, 28	(350.714.786.792)	(433.372.456.103)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		100.416.381.196	98.464.750.751
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	6.557.291.280	8.222.832.228
22 23	6. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	25	(15.878.695.188) (15.858.466.513)	(10.838.560.246) (10.815.385.648)
25	7. Chi phí bán hàng	26, 28	(35.337.593.406)	(39.011.133.901)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26, 28	(40.150.068.864)	(42.863.385.575)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.607.315.018	13.974.503.257
31	10. Thu nhập khác	27	15.770.142.460	26.521.058.986
32	11. Chi phí khác	27	(1.676.803.511)	(1.550.936.713)
40	12. Lợi nhuận khác	27	14.093.338.949	24.970.122.273
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		29.700.653.967	38.944.625.530
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(5.597.828.143)	-
60	15. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		24.102.825.824	38.944.625.530
61	16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		24.085.710.692	38.935.047.828
62	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		17.115.132	9.577.702
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	31	350	569
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	31	350	569

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 8 năm 2025


Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập


Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng


Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29.700.653.967	38.944.625.530
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	28	105.984.789.411	110.291.324.791
03	Các khoản dự phòng		1.545.580.924	338.364.813
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.872.822.866)	(21.143.994.945)
06	Chi phí lãi vay	25	15.858.466.513	10.815.385.648
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		142.216.667.949	139.245.705.837
09	Giảm các khoản phải thu		2.531.419.099	295.071.120
10	Tăng hàng tồn kho		(60.242.546)	(363.661.672)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		13.207.337.099	(22.413.454.456)
12	Giảm chi phí trả trước		3.248.074.686	1.405.714.608
14	Tiền lãi vay đã trả		(16.051.313.900)	(11.017.294.033)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.597.561.473)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(79.605.652)	(70.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		143.414.775.262	107.082.081.404
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(60.499.628.205)	(159.585.193.618)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		52.531.792.699	102.089.895.708
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn		(43.578.816.784)	(225.166.128.576)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		155.639.565.565	275.000.000.000
27	Lãi tiền gửi nhận được		6.995.240.941	9.788.018.601
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		111.088.154.216	2.126.592.115
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	20.3	22.545.270.000	81.665.970.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	20.3	(76.718.182.980)	(28.977.595.668)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	20.3	(21.163.388.646)	(21.163.388.646)
36	Cổ tức đã trả	21.2	(67.799.977.000)	(101.701.450.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(143.136.278.626)	(70.176.465.214)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		111.366.650.852	39.032.208.305
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		98.235.505.846	121.322.977.371
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	209.602.156.698	160.355.185.676

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025


Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập


Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng


Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 81/2008/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và 3 (ba) chi nhánh đang hoạt động như sau:

- Chi nhánh tỉnh Bình Dương tại Số 59 Thích Quảng Đức, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Đồng Nai tại Số F2/4, Quốc lộ 51, Khu Phố 1, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai; và
- Chi nhánh Đồng Tháp tại Số 35/20/8 Nguyễn Tất Thành, Khóm 2, Phường Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1.463 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.549).

Công ty có một công ty con, chi tiết như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025	
			Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam ("ADX")	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	99%	99%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Sổ dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ cuối kỳ với chi phí mua được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Đối với các trường hợp cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động, thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

3.11 *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Nhóm Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.15 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.16 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

► Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

► Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Đối với phương thức hợp đồng hợp tác kinh doanh và nhượng quyền với tài xế không phải nhân viên Công ty, doanh thu của Công ty được xác định là tổng doanh thu từ cung cấp dịch vụ trừ đi doanh thu đã chia cho tài xế dựa trên tỷ lệ phần trăm doanh thu được thống nhất giữa hai bên.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.20 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Nhóm Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng. Các hoạt động kinh doanh này của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, doanh thu của Nhóm Công ty chủ yếu là từ dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không được trình bày.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	12.656.492.108	4.752.588.673
Tiền gửi ngân hàng	20.902.154.366	19.482.917.173
Các khoản tương đương tiền (*)	176.043.510.224	74.000.000.000
TỔNG CỘNG	209.602.156.698	98.235.505.846

(*) Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ một (1) đến ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,2% đến 4,75%/năm (31 tháng 12 năm 2024: 3,7% - 4,5%/năm).

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng trở lên và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất dao động từ 4,4% - 6,2%/năm (31 tháng 12 năm 2024: 4,2% - 8,3%/năm).

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh Đà Nẵng có kỳ hạn còn lại trên mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất tại 5%/năm (31 tháng 12 năm 2024: 5%/năm).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1. Phải thu của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	77.885.839.082	83.343.586.013
Phải thu khách hàng dùng thẻ taxi	69.927.296.138	67.685.377.312
Phải thu tiền khách vãng lai	2.256.356.468	2.633.430.246
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	784.609.495	7.819.609.495
Khác	4.917.576.981	5.205.168.960
Dài hạn	930.080.000	1.294.600.000
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	930.080.000	1.294.600.000
TỔNG CỘNG	78.815.919.082	84.638.186.013
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.188.443.165)	(597.581.716)
GIÁ TRỊ THUẦN	76.627.475.917	84.040.604.297

Tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	597.581.716	553.742.424
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	1.599.676.549	36.409.808
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(8.815.100)	(14.337.352)
Số cuối kỳ	2.188.443.165	575.814.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	613.192.952	506.049.641
Ông Đặng Văn Tân	224.000.000	272.000.000
Khác	1.024.214.206	329.801.591
TỔNG CỘNG	1.861.407.158	1.107.851.232

7. NỢ XẤU

	VND			
Đối tượng nợ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư				
SUNRISE	645.272.056	197.081.617	645.272.056	645.272.056
Khác	6.092.203.871	2.795.468.382	5.919.654.297	3.787.661.623
TỔNG CỘNG	6.737.475.927	2.992.549.999	6.564.926.353	4.432.933.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	13.880.107.945	14.379.112.576
Phải thu hộ liên quan đến bán vé máy bay	2.816.304.428	1.383.272.725
Tạm ứng cho nhân viên	2.678.673.640	2.693.842.826
Lãi tiền gửi	1.722.804.090	2.193.551.700
Ký quỹ, ký cược	1.210.643.875	1.774.608.875
Phải thu khác từ tài xế và nhân viên	901.689.771	1.378.243.077
Khác	4.549.992.141	4.955.593.373
Dài hạn	2.082.700.000	1.797.460.000
Ký quỹ, ký cược	2.082.700.000	1.797.460.000
TỔNG CỘNG	15.962.807.945	16.176.572.576
Dự phòng phải thu khác ngắn hạn khó đòi	(1.556.482.763)	(1.551.738.288)
GIÁ TRỊ THUẦN	14.406.325.182	14.624.834.288

Tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu khác ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu năm	1.551.738.288	949.695.377
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	4.744.475	344.571.807
Số cuối năm	1.556.482.763	1.294.267.184

9. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị phụ tùng chưa xuất dùng vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	10.137.783.357	1.731.785.206.086	4.090.607.079	1.746.013.596.522
Mua mới trong kỳ	-	14.401.199.995	-	14.401.199.995
Thanh lý	-	(107.606.375.358)	-	(107.606.375.358)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	10.137.783.357	1.638.580.030.723	4.090.607.079	1.652.808.421.159
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	8.088.146.993	60.697.739.981	4.090.607.079	72.876.494.053
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(9.020.771.693)	(518.800.102.386)	(4.090.607.079)	(531.911.481.158)
Khấu hao trong kỳ	(346.308.275)	(89.187.843.202)	-	(89.534.151.477)
Thanh lý	-	74.322.432.194	-	74.322.432.194
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(9.367.079.968)	(533.665.513.394)	(4.090.607.079)	(547.123.200.441)
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.117.011.664	1.212.985.103.700	-	1.214.102.115.364
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	770.703.389	1.104.914.517.329	-	1.105.685.220.718
Trong đó:				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 20)	-	843.530.114.240	-	843.530.114.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

Phương tiện vận tải

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và
ngày 30 tháng 6 năm 2025

262.015.545.356

Giá trị khấu hao lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024
Khấu hao trong kỳ

(64.946.187.610)

(16.375.971.264)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

(81.322.158.874)

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

197.069.357.746

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

180.693.386.482

(*) Nhóm Công ty thuê phương tiện vận tải hiện đang được sử dụng trong hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Theo các hợp đồng thuê tài chính, Nhóm Công ty có thể mua lại phương tiện vận tải tại cuối thời hạn thuê. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh số 20.2.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

Ngày 30 tháng 6
năm 2025

Ngày 31 tháng 12
năm 2024

Phương tiện vận tải đang chờ đăng ký

61.911.218.210

-

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

Ngày 30 tháng 6
năm 2025

Ngày 31 tháng 12
năm 2024

Ngắn hạn

10.652.809.317

14.784.916.974

Bảo hiểm vật chất xe và bảo hiểm dân sự

6.694.071.009

10.632.466.770

Phí bảo trì đường bộ

1.597.280.997

2.541.002.997

Khác

2.361.457.311

1.611.447.207

Dài hạn

45.772.233.182

44.888.200.211

Tiền thuê văn phòng trả trước (*)

42.619.908.820

43.275.599.728

Công cụ, dụng cụ

2.932.248.226

1.399.310.360

Khác

220.076.136

213.290.123

TỔNG CỘNG

56.425.042.499

59.673.117.185

(*) Đây là khoản tiền trả trước tiền thuê văn phòng của Nhóm Công ty tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1. Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Toyota Long Thành	16.412.500.000	-
Khác	14.606.115.798	13.127.429.001
TỔNG CỘNG	31.018.615.798	13.127.429.001

14.2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty TNHH Nguyễn Gia Hưng	7.500.000.000	-
Khác	462.192.014	280.613.652
TOTAL	7.962.192.014	280.613.652

15. THUẾ

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	923.069	231.019.682	(923.069)	231.019.682
Thuế giá trị gia tăng	4.964.133.606	2.273.585.671	(7.122.893.357)	114.825.920
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.558.259	-	-	37.558.259
TỔNG CỘNG	5.002.614.934	2.504.605.353	(7.123.816.426)	383.403.861
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	208.429.980	34.072.090.079	(12.360.753.580)	21.919.766.479
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.597.561.473	5.597.828.143	(1.597.561.473)	5.597.828.143
Thuế thu nhập cá nhân	456.086.037	2.646.550.616	(3.098.772.698)	3.863.955
Thuế khác	-	10.000.000	(10.000.000)	-
TỔNG CỘNG	2.262.077.490	42.326.468.838	(17.067.087.751)	27.521.458.577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Lương tháng 13	3.960.000.000	-
Chi phí thưởng và phúc lợi của nhân viên	2.235.533.094	6.448.243.638
Khác	1.291.813.697	1.105.983.620
TỔNG CỘNG	7.487.346.791	7.554.227.258

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Doanh thu nhận trước cho dịch vụ taxi	1.155.872.794	915.827.900
Cho thuê thiết bị và nhãn hiệu	42.564.930	139.889.888
Khác	723.965.900	671.592.800
TỔNG CỘNG	1.922.403.624	1.727.310.588

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	24.178.194.715	21.377.231.665
Phải trả khác cho bên cho thuê	4.024.000.000	3.712.000.000
Chi phí lãi vay	795.126.613	987.974.000
Cổ tức phải trả	690.930.900	631.715.900
Bảo hiểm vật chất xe	552.792.550	735.376.839
Khác	3.275.357.563	4.100.917.267
TỔNG CỘNG	33.516.402.341	31.545.215.671

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Nhận ký quỹ từ khách hàng	48.971.755.568	49.574.025.332
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	28.608.451.851	32.885.759.031
Nhận ký quỹ tiền cho thuê mặt bằng	792.000.000	792.000.000
TỔNG CỘNG	78.372.207.419	83.251.784.363

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	200.685.662.844	195.049.345.332
Vay dài hạn đến hạn trả từ ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	158.358.885.552	152.722.568.040
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.2)	42.326.777.292	42.326.777.292
Dài hạn	277.699.190.935	358.671.810.073
Vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	255.510.357.975	315.319.588.467
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 20.2)	22.188.832.960	43.352.221.606
TỔNG CỘNG	478.384.853.779	553.721.155.405

20.1 Vay dài hạn từ các ngân hàng

Nhóm Công ty đã vay các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại để mua phương tiện vận tải phục vụ cho việc kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi. Chi tiết các khoản vay dài hạn này được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 10)
	VND		%/năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương				
Khoản vay số 1	272.538.918.461	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2025 đến ngày 26 tháng 6 năm 2029	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 2%	954 xe
Khoản vay số 2	16.500.058.944	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2025 đến ngày 20 tháng 12 năm 2029	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 2%	65 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10 Thành phố Hồ Chí Minh				
Khoản vay số 1	73.868.564.000	Từ ngày 20 tháng 7 năm 2025 đến ngày 13 tháng 6 năm 2028	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 3%	266 xe
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam				
Khoản vay số 1	50.961.702.122	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2025 đến ngày 21 tháng 2 năm 2029	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 1.5 %	120 xe
TỔNG CỘNG	413.869.243.527			

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	158.358.885.552
Vay dài hạn	255.510.357.975

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

20.2 Nợ thuê tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuê phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024			VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	
Dưới 1 năm	45.717.578.865	3.390.801.573	42.326.777.292	47.331.650.194	5.004.872.902	42.326.777.292	
Từ 1 năm đến 5 năm	22.764.917.474	576.084.514	22.188.832.960	45.218.968.528	1.866.746.922	43.352.221.606	
TỔNG CỘNG	68.482.496.339	3.966.886.087	64.515.610.252	92.550.618.722	6.871.619.824	85.678.998.898	

20.3 Tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính trong kỳ như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Đã trả trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND
Vay ngân hàng	468.042.156.507	22.545.270.000	(76.718.182.980)	413.869.243.527	
Nợ thuê tài chính	85.678.998.898	-	(21.163.388.646)	64.515.610.252	
TỔNG CỘNG	553.721.155.405	22.545.270.000	(97.881.571.626)	478.384.853.779	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	133.106.539.266	1.167.316.095.178
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	38.935.047.828	38.935.047.828
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(101.788.788.000)	(101.788.788.000)
Giảm khác	-	-	-	(312.000.000)	(312.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	69.940.799.094	1.104.150.355.006
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	114.746.128.024	1.148.955.683.936
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	24.085.710.692	24.085.710.692
Cổ tức đã công bố (*)	-	-	-	(67.859.192.000)	(67.859.192.000)
Kết chuyển quỹ đầu tư và phát triển (*)	-	-	(268.688.372.802)	268.688.372.802	-
Giảm khác	-	-	-	(312.000.000)	(312.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	678.591.920.000	86.929.263.110	-	339.349.019.518	1.104.870.202.628

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 24 tháng 4 năm 2025, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc (i) chuyển quỹ đầu tư phát triển với giá trị là 268.688.372.802 VND vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và (ii) chi cổ tức năm 2024 bằng tiền tại mức 10% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông với tổng giá trị là 67.859.192.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vốn cổ phần đã phát hành		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025	678.591.920.000	678.591.920.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	67.859.192.000	101.788.788.000
Cổ tức đã trả	67.799.977.000	101.701.450.900

21.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ phiếu đăng ký phát hành	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đã bán ra công chúng Cổ phiếu phổ thông	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	67.859.192	67.859.192

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Vốn điều lệ đã góp	400.000.000	400.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	244.892.480	227.777.348
TỔNG CỘNG	644.892.480	627.777.348

Chi tiết tình hình tăng (giảm) lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	627.777.348	608.192.941
Lợi nhuận thuần trong kỳ	17.115.132	9.577.702
Số cuối kỳ	644.892.480	617.770.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	442.396.061.640	522.360.150.873
Khác	8.735.106.348	9.477.055.981
TỔNG CỘNG	451.131.167.988	531.837.206.854

(*) Doanh thu từ cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi bao gồm doanh thu từ các phương thức: cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi thông qua nhân viên Công ty, nhượng quyền và hợp tác kinh doanh với các tài xế.

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi tiền gửi	6.524.493.331	8.177.072.217
Khác	32.797.949	45.760.011
TỔNG CỘNG	6.557.291.280	8.222.832.228

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	342.974.010.279	424.707.319.649
Khác	7.740.776.513	8.665.136.454
TỔNG CỘNG	350.714.786.792	433.372.456.103

(*) Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi bao gồm giá vốn từ các phương thức: cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi thông qua nhân viên Công ty, nhượng quyền và hợp tác kinh doanh với các tài xế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí lãi vay	15.858.466.513	10.815.385.648
Lỗ chênh lệch tỷ giá	20.228.675	23.174.598
TỔNG CỘNG	15.878.695.188	10.838.560.246

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí bán hàng	35.337.593.406	39.011.133.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.315.990.772	20.456.881.305
Chi phí nhân viên	14.020.904.471	17.600.290.515
Khác	1.000.698.163	953.962.081
Chi phí quản lý doanh nghiệp	40.150.068.864	42.863.385.575
Chi phí nhân viên	18.753.307.658	20.394.002.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.824.965.088	16.620.328.038
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.282.321.218	1.261.335.553
Khác	4.289.474.900	4.587.719.262
TỔNG CỘNG	75.487.662.270	81.874.519.476

27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thu nhập khác	15.770.142.460	26.521.058.986
Thu nhập từ quảng cáo trên taxi	9.629.200.467	11.162.794.200
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	4.348.329.535	12.966.922.728
Khác	1.792.612.458	2.391.342.058
Chi phí khác	(1.676.803.511)	(1.550.936.713)
Chi phí quảng cáo trên taxi	(1.038.971.481)	(1.205.486.000)
Khác	(637.832.030)	(345.450.713)
LỢI NHUẬN KHÁC	14.093.338.949	24.970.122.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí phụ tùng và nhiên liệu	136.501.299.949	204.469.738.036
Chi phí nhân viên	120.169.680.403	136.595.499.180
Chi phí khấu hao và hao mòn	105.984.789.411	110.291.324.791
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.696.704.954	49.069.267.563
Khác	13.849.974.345	14.821.146.009
TỔNG CỘNG	426.202.449.062	515.246.975.579

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.597.828.143	-

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.700.653.967	38.944.625.530
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	5.940.130.793	7.788.925.106
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời	-	(108.735.890)
Lỗi thuế được kết chuyển	(342.302.650)	(7.680.189.216)
Chi phí thuế TNDN	5.597.828.143	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

29.3 Lỗ chuyển sang các năm sau

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế ước tính với tổng giá trị là 44.625.029.711 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 46.336.542.959 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2025	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025
2020	2025	29.726.473.505	(22.872.389.729)	6.854.083.776
2021	2026	37.770.945.935	-	37.770.945.935
TỔNG CỘNG		67.497.419.440	(22.872.389.729)	44.625.029.711

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

29.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Lỗ thuế chuyển sang các năm sau (Thuyết minh số 29.3)	44.625.029.711	46.336.542.959
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.165.545.500	3.215.570.500
Trích trước chi phí quà tặng và thưởng	720.000.000	1.096.755.000
TỔNG CỘNG	48.510.575.211	50.648.868.459

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch với Nhóm Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Chị Ngô Thị Thúy Vân	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Tư vấn Kim Ngưu	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH	Cổ đông lớn
Một Thành Viên	
Công ty Cổ phần VBP	Cổ đông lớn
Ông Tạ Long Hỷ	Chủ tịch Hội đồng quản trị ("HĐQT")
Ông Đặng Thành Duy	Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT
Bà Đặng Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Kim Trường	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Công Luận	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên HĐQT
Ông Lê Hải Đoàn	Cổ đông lớn/ Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 4 năm 2025)
Bà Trần Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Mai Thị Kim Hoàng	Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	Ban kiểm soát
Ông Đặng Phước Thành	Cổ đông lớn/ Thành viên HĐQT (đến ngày 24 tháng 4 năm 2024)
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên HĐQT (đến ngày 24 tháng 4 năm 2025)
Ông Đặng Hoàng Sang	Kế toán trưởng

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Ông Đặng Phước Thành	Cổ tức	16.907.888.000	25.361.832.000
Công ty TNHH Tư vấn Kim Ngưu	Cổ tức	8.600.090.000	12.900.135.000
Chị Ngô Thị Thúy Vân	Cổ tức	6.680.590.000	12.120.885.000
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên	Cổ tức	5.370.300.000	8.055.450.000
Công ty Cổ phần VBP	Cổ tức	5.269.381.000	-
Ông Lê Hải Đoàn	Cổ tức	4.255.600.000	138.600.000
Ông Đặng Thành Duy	Cổ tức	3.390.020.000	5.085.030.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Ông Tạ Long Hỷ	299.120.000	322.640.000
Ông Đặng Thành Duy	435.560.000	484.776.000
Ông Trần Anh Minh	431.230.000	440.795.000
Bà Đặng Thị Lan Phương	281.120.000	304.640.000
Ông Huỳnh Văn Sĩ	271.840.000	293.680.000
Ông Trương Đình Quý	263.440.000	285.280.000
Ông Nguyễn Văn Mác	222.126.500	229.040.000
Ông Nguyễn Bảo Toàn	207.040.000	228.880.000
Ông Đặng Phước Hoàng Mai	207.040.000	228.880.000
Ông Đặng Hoàng Sang	190.960.000	207.520.000
Ông Đặng Phước Thành	25.200.000	216.960.000
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	48.000.000	48.000.000
Ông Hồ Kim Trường	48.000.000	48.000.000
Ông Đặng Công Luận	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Đình Thanh	48.000.000	48.000.000
Ông Đặng Tiến Sỹ	48.000.000	48.000.000
Bà Trần Thị Thu Hiền	30.000.000	30.000.000
Bà Mai Thị Kim Hoàng	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	24.000.000	24.000.000
	3.152.676.500	3.561.091.000

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	24.085.710.692	38.935.047.828
Điều chỉnh giảm do trích khác (VND)	(312.000.000)	(312.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	23.773.710.692	38.623.047.828
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	67.859.192	67.859.192
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
Lãi cơ bản và suy giảm	350	569

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê một số văn phòng và xưởng sửa chữa xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dưới 1 năm	3.494.792.196	1.305.424.520
Từ 1 năm đến 5 năm	9.972.238.066	1.189.666.664
TỔNG CỘNG	13.467.030.262	2.495.091.184

Cam kết cho thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê tòa nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dưới 1 năm	2.880.000.000	2.880.000.000
Từ 1 năm đến 5 năm	14.400.000.000	14.400.000.000
Trên 5 năm	1.440.000.000	2.880.000.000
TỔNG CỘNG	18.720.000.000	20.160.000.000

33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

33.1 *Nợ khó đòi đã xử lý*

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<i>Nợ khó đòi đã xử lý (*)</i>		
Phải thu từ lái xe nghỉ việc	2.245.995.108	2.245.995.108
Phải thu từ các khách hàng	1.185.271.750	1.185.271.750
TỔNG CỘNG	3.431.266.858	3.431.266.858

(*) Nhóm Công ty đã xóa sổ các khoản phải thu quá hạn trên 3 năm và được lập dự phòng 100% trong các năm trước.

33.2 *Ngoại tệ các loại*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngoại tệ (USD)	19.639	19.639

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025



Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc



EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn